



# BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện cung cấp cho khách hàng sự bảo vệ an toàn tài chính và tiết kiệm, đầu tư hiệu quả.

**An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện là giải pháp tài chính tối ưu với:**

- **An tâm hoạch định**

- Nhiều lựa chọn về quyền lợi bảo vệ, tiết kiệm tùy vào nhu cầu và kế hoạch tài chính của khách hàng
- Dễ dàng tăng Số tiền bảo hiểm không cần thẩm định trong những sự kiện đặc biệt trong cuộc sống

- **Bảo vệ toàn diện**

- Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi hợp đồng còn hiệu lực)
- Gia tăng quyền lợi bảo vệ trước những rủi ro do tai nạn, Bệnh ung thư
- Được gia tăng quyền lợi bảo hiểm với các quyền lợi của sản phẩm bổ sung

- **Tiết kiệm hiệu quả**

- Được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
- Gia tăng tài sản trong ngắn hạn cũng như dài hạn với mức tăng trưởng cam kết tối thiểu
- Thưởng duy trì hợp đồng hấp dẫn với 35% tổng lãi tích lũy sau mỗi 3 năm của hợp đồng

- **Linh hoạt hơn bao giờ hết**

- Sau 4 năm đầu tiên của hợp đồng, có thể chủ động quyết định giá trị và thời gian đóng phí
- Kể từ năm thứ 2 trở đi, được thay đổi Số tiền bảo hiểm và được rút tiền mặt từ Giá trị tài khoản hợp đồng bất kỳ lúc nào

**An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện - làm chủ cuộc sống, quyết đoán tương lai**

*Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.*

# TRANG THÔNG TIN

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

## THÔNG TIN CÔNG TY DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Công ty TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do BTC cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: hơn 5.400 tỷ VNĐ; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 3810 0888; Fax: (028) 3997 3000

## THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ tên	Giới tính	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm (1)	Nguyen Van A	Nam	30	1
Bên mua bảo hiểm (2)	Nguyen Van A	Nam	30	1

Đơn vị tính: đồng

## THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Tuổi khi kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	Phí BH SP bổ sung	Phí BH đóng thêm dự kiến(*)	Phí BH dự kiến (*)
An Tâm Hưng Thịnh Toàn Diện	(1)	55	25	1.000.000.000	15.000.000		0	15.000.000
			Năm	Nửa năm	Quý			
Phí bảo hiểm cơ bản đóng theo định kỳ		15.000.000	7.500.000	3.750.000				

(\*) Phí BH dự kiến và Phí BH đóng thêm dự kiến cho năm đầu. Phí BH dự kiến và Phí BH đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang "Minh họa phân bổ phí bảo hiểm và quyền lợi".

## THÔNG TIN TƯ VẤN TÀI CHÍNH (TVTC)

Họ và tên: Product Dummy Agent	Mã số: 158424	Văn phòng của TVTC: PA
--------------------------------	---------------	------------------------

# TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

## QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

### QUYỀN LỢI BẢO VỆ

- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn:** bằng Số tiền bảo hiểm cộng Giá trị tài khoản hợp đồng hoặc bằng giá trị nào lớn hơn của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng nếu tử vong xảy ra từ tuổi 70 trở đi.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn trong độ tuổi 5 – 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 1 tỷ đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn đặc biệt trong độ tuổi 5 – 65 tuổi:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 50% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 2 tỷ 500 triệu đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm tử vong do Bệnh ung thư trong độ tuổi 5 – 65 tuổi và sau 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất:** bên cạnh quyền lợi bảo hiểm tử vong không do tai nạn, nhận thêm 20% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này nhưng không vượt quá 1 tỷ đồng.
- **Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65:** Số tiền bảo hiểm cộng Giá trị tài khoản hợp đồng.

### QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

- **Quyền lợi đáo hạn:** là Giá trị tài khoản hợp đồng.
- **Quyền lợi Thuởng duy trì hợp đồng:** là 35% của tổng lãi đã được tích lũy cho Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian 36 tháng liền trước thời điểm xem xét tương ứng nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ đến thời điểm xem xét. Thuởng duy trì hợp đồng sẽ được tự động cộng thêm vào Giá trị tài khoản vào ngày cuối cùng các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15, 18 và 21 của Hợp đồng bảo hiểm
- **Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung:** Giá trị tài khoản hợp đồng gia tăng hàng tháng nhờ hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng hoặc giảm nhưng trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 4,5%/năm trong năm đầu tiên, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15, 0,5% trong các năm tiếp theo.

## QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN TÂM HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

- Rút hoặc Tạm ứng tiền mặt từ Giá trị tài khoản hợp đồng bất cứ khi nào kể từ Năm hợp đồng thứ 2 để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn
- Lựa chọn tăng hoặc giảm Số tiền bảo hiểm linh hoạt theo khả năng tài chính và nhu cầu bảo vệ trong từng giai đoạn cuộc sống.
- Lựa chọn đóng Phí bảo hiểm linh hoạt tùy theo tình hình tài chính tại từng thời điểm.
- Đầu tư thêm tại bất kỳ thời điểm nào thông qua Phí bảo hiểm đóng thêm.
- Dễ dàng yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe nhân các sự kiện quan trọng trong cuộc sống như kết hôn/sinh con hoặc con bắt đầu vào học cấp 1/cấp 2/cấp 3/Cao đẳng/Đại học.

# TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

- Phí ban đầu sẽ được khấu trừ từ phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm theo tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	Kể từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản	75%	30%	25%	20%	10%	3%
Tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm đóng thêm	9%	7%	7%	5%	5%	2%

- Chi phí khai thác của sản phẩm bổ sung sẽ được khấu trừ từ Phí bảo hiểm đóng vào, tùy thuộc vào Năm phí bảo hiểm và được tính trên tỷ lệ phần trăm của Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo tỷ lệ Phí ban đầu của sản phẩm chính.
- Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm. Mức phí bảo hiểm rủi ro được tính dựa trên cơ sở rủi ro Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, theo độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của Người được bảo hiểm và sẽ thay đổi hàng năm.
- Phí quản lý hợp đồng là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để Dai-ichi Life Việt Nam thực hiện công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	Từ năm 2028 trở đi
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	29.000	31.300	33.800	36.500	39.400	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000

- Phí quản lý quỹ là khoản tiền được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố Lãi suất đầu tư. Phí quản lý quỹ không vượt quá mức tối đa là 2% Giá trị tài khoản hợp đồng/ năm.
- Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm, theo tỷ lệ như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Kể từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí \* Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó.

- Phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút. Phí này chỉ áp dụng cho 9 năm đầu của Hợp đồng bảo hiểm.

# MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

TẠI MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ 5%/NĂM và 7%/NĂM



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5%/năm			Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
1	30	15.000	15.000		1.000.000			1.745			1.797		
2	31	15.000	15.000		1.000.000			10.582			10.859		
3	32	15.000	15.000		1.000.000		600	21.142	7.642	848	22.098	8.598	
4	33	15.000	15.000		1.000.000			32.298	21.048		33.959	22.709	
5	34	15.000	15.000		1.000.000			45.446	34.196		48.111	36.861	
6	35	15.000	15.000		1.000.000		2.359	62.546	51.296	3.432	67.643	56.393	
7	36	15.000	15.000		1.000.000			77.944	68.944		84.907	75.907	
8	37	15.000	15.000		1.000.000			93.886	87.886		103.154	97.154	
9	38	15.000	15.000		1.000.000		4.777	115.164	112.164	7.210	129.647	126.647	
10	39	15.000	15.000		1.000.000			132.482	132.482		150.534	150.534	
11	40	15.000	15.000		1.000.000			150.410	150.410		172.625	172.625	
12	41	15.000	15.000		1.000.000		7.621	176.577	176.577	12.010	207.992	207.992	
13	42	15.000	15.000		1.000.000			196.134	196.134		233.523	233.523	
14	43	15.000	15.000		1.000.000			216.340	216.340		260.511	260.511	
15	44	15.000	15.000		1.000.000		10.938	248.146	248.146	18.082	307.115	307.115	
16	45	15.000	15.000		1.000.000			270.234	270.234		338.527	338.527	
17	46	15.000	15.000		1.000.000			293.025	293.025		371.733	371.733	
18	47	15.000	15.000		1.000.000		14.799	331.335	331.335	25.765	432.603	432.603	
19	48	15.000	15.000		1.000.000			356.310	356.310		471.513	471.513	
20	49	15.000	15.000		1.000.000			382.030	382.030		512.638	512.638	
21	50	15.000	15.000		1.000.000		19.280	427.762	427.762	35.496	591.578	591.578	
22	51	15.000	15.000		1.000.000			455.854	455.854		639.894	639.894	

# MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI

TẠI MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ 5%/NĂM và 7%/NĂM



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 5%/năm			Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
23	52	15.000	15.000		1.000.000			484.630	484.630		690.865	690.865	
24	53	15.000	15.000		1.000.000			514.025	514.025		744.575	744.575	
25	54	15.000	15.000		1.000.000			543.984	543.984		801.130	801.130	

**Tổng cộng** 375.000

# MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

(4,5%/năm cho năm đầu của HĐ, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 và 0,5%/năm cho những năm tiếp theo)



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
1	30	15.000	15.000		1.000.000			1.732		
2	31	15.000	15.000		1.000.000			10.347		
3	32	15.000	15.000		1.000.000		371	20.259	6.759	
4	33	15.000	15.000		1.000.000			30.752	19.502	
5	34	15.000	15.000		1.000.000			42.965	31.715	
6	35	15.000	15.000		1.000.000		1.364	57.825	46.575	
7	36	15.000	15.000		1.000.000			71.570	62.570	
8	37	15.000	15.000		1.000.000			85.505	79.505	
9	38	15.000	15.000		1.000.000		2.661	102.283	99.283	
10	39	15.000	15.000		1.000.000			116.659	116.659	
11	40	15.000	15.000		1.000.000			130.567	130.567	
12	41	15.000	15.000		1.000.000		3.586	148.135	148.135	
13	42	15.000	15.000		1.000.000			162.262	162.262	
14	43	15.000	15.000		1.000.000			176.419	176.419	
15	44	15.000	15.000		1.000.000		4.574	195.158	195.158	
16	45	15.000	15.000		1.000.000			205.292	205.292	
17	46	15.000	15.000		1.000.000			215.085	215.085	
18	47	15.000	15.000		1.000.000		1.137	225.653	225.653	
19	48	15.000	15.000		1.000.000			234.696	234.696	
20	49	15.000	15.000		1.000.000			243.293	243.293	
21	50	15.000	15.000		1.000.000		1.287	252.680	252.680	
22	51	15.000	15.000		1.000.000			260.194	260.194	

# MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

(4,5%/năm cho năm đầu của HĐ, 3%/năm từ năm thứ 2 đến năm thứ 10, 2,5%/năm từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 và 0,5%/năm cho những năm tiếp theo)



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự tính	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Quyền lợi đảm bảo		Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết			Tiền rút ra
					STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ sung	Thưởng duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	
23	52	15.000	15.000		1.000.000			267.042	267.042	
24	53	15.000	15.000		1.000.000			273.124	273.124	
25	54	15.000	15.000		1.000.000			278.353	278.353	

**Tổng cộng** 375.000



# MINH HỌA PHẬN BỔ PHÍ VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Giá trị minh họa tại mức lãi suất cam kết								Phí bảo hiểm định kỳ năm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung		
	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt
1	15.000	386	1.750		3.750		1.732	1.797			
2	15.000	416	1.800		10.500		10.347	10.859			
3	15.000	450	1.870		11.250		20.259	22.098			
4	15.000	485	1.950		12.000		30.752	33.959			
5	15.000	524	2.050		13.500		42.965	48.111			
6	15.000	565	2.170		14.550		57.825	67.643			
7	15.000	610	2.320		14.550		71.570	84.907			
8	15.000	658	2.490		14.550		85.505	103.154			
9	15.000	701	2.680		14.550		102.283	129.647			
10	15.000	720	2.900		14.550		116.659	150.534			
11	15.000	720	3.150		14.550		130.567	172.625			
12	15.000	720	3.420		14.550		148.135	207.992			
13	15.000	720	3.710		14.550		162.262	233.523			
14	15.000	720	4.030		14.550		176.419	260.511			
15	15.000	720	4.370		14.550		195.158	307.115			
16	15.000	720	4.730		14.550		205.292	338.527			
17	15.000	720	5.120		14.550		215.085	371.733			
18	15.000	720	5.530		14.550		225.653	432.603			
19	15.000	720	5.970		14.550		234.696	471.513			
20	15.000	720	6.460		14.550		243.293	512.638			
21	15.000	720	7.000		14.550		252.680	591.578			

# MINH HỌA PHẬN BỔ PHÍ VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG



Gắn bó dài lâu.

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm HĐ	Giá trị minh họa tại mức lãi suất cam kết							Phí bảo hiểm định kỳ năm của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung			
	Tổng Phí bảo hiểm hàng năm	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro Sản phẩm chính	Phí thuần Sản phẩm bổ sung	Phí bảo hiểm phân bổ Sản phẩm chính	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung sau khi trừ Chi phí khai thác	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị tài khoản HĐ tại mức lãi suất đầu tư 7%/năm	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt
22	15.000	720	7.630		14.550		260.194	639.894			
23	15.000	720	8.330		14.550		267.042	690.865			
24	15.000	720	9.130		14.550		273.124	744.575			
25	15.000	720	10.010		14.550		278.353	801.130			

## Ghi chú

- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH dự tính" đã bao gồm Phí BH đóng thêm.
- Số tiền thể hiện ở các cột "Quyền lợi đảm bảo", "Phí BH cơ bản", "Phí BH đóng thêm" được minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết.
- Số tiền thể hiện ở cột "Giá trị hoàn lại" là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại trên đây được minh họa vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại sẽ thay đổi phụ thuộc vào định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất thực tế của Quỹ liên kết chung,...
- Số tiền thể hiện ở cột "Tiền rút ra" là số tiền được giả định là khách hàng rút từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào Giá trị tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ Giá trị tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm bổ sung tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Phí bảo hiểm BH Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y từ lần gia hạn hợp đồng thứ 10 trở đi đã được giảm 10% với giả định phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung này đã được đóng đầy đủ trong 10 năm hợp đồng đầu tiên của sản phẩm bổ sung này.
- Số tiền thể hiện ở cột "Phí BH Chăm sóc sức khỏe" bao gồm quyền lợi điều trị nội trú, quyền lợi điều trị ngoại trú và quyền lợi chăm sóc răng (nếu khách hàng có chọn lựa tham gia thêm) và là tổng Phí bảo hiểm của tất cả Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm bổ sung này.
- Bảng minh họa này dựa trên giả định:
  - Phí bảo hiểm trả theo định kỳ hàng năm; Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí, lãi suất, v.v... Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
  - Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ trong Thời hạn bảo hiểm.
  - Phí bảo hiểm rủi ro không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc tính chất nghề nghiệp.

## MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Khoản khấu trừ hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo Giá trị tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt 5 lần Phí bảo hiểm cơ bản.
- Các giá trị trong Bảng minh họa này là không cam kết, ngoại trừ Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa và phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm và có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng của Hợp đồng bảo hiểm.

## XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các Giá trị tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở bảng minh họa này.
- Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong bảng minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Họ và tên của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký của Bên mua bảo hiểm

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn tài chính mã số 158424, ký tên dưới đây cam kết đã giải thích đầy đủ và tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về nội dung của Bảng minh họa này

Họ và tên của Tư vấn tài chính

Chữ ký của Tư vấn tài chính

Ngày/tháng/năm